

Bản án số : 21 /2019/QĐST- HNGĐ
Ngày : 09/07 /2019
“V/v: ly hôn”

Long Khánh, ngày 09 tháng 07 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phí Thị Hồng Năm.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Thế Nam**

2/ Ông **Hoàng Thanh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh Hoa**, cán bộ TAND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 09/07/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số 201/2019/TLST - HNGĐ ngày 19/03/2019 về việc **“Ly hôn”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/03/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/06/2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: số 111, Tổ 5A, đường Duy Tân, khu phố Ruộng Hời, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.(có mặt)

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số 111, Tổ 5A, đường Duy Tân, khu phố Ruộng Hời, phường Bảo Vinh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tường trình, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N trình bày :

Năm 2000, bà và ông H có đăng ký kết hôn với nhau. Trong thời gian chung sống, ông bà thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp nên tháng 6 năm 2009 ông bà đã ly hôn được Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh ra Quyết định

công nhận thuận tình ly hôn số 119/2009/QĐST-HNGĐ ngày 12/06/2009. Đến tháng 1 năm 2015, ông H và bà về chung sống lại với nhau và ngày 2/12/2015 ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh. Sau khi đăng ký kết hôn, ông H đã bỏ nhà đi và bà không biết ông đi đâu, làm gì và ở đâu. Bà N cũng đã hỏi thăm nhưng không ai biết tin tức của ông H. Bà đã làm đơn yêu cầu tuyên bố ông H mất tích và ngày 24/12/2018 Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh đã ra quyết định số 01/2018/QĐST-VDS tuyên bố ông H mất tích. Nay bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản, nợ chung đều không có.

Các tài liệu, chứng cứ bà N giao nộp gồm: Đơn khởi kiện, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận kết hôn, quyết định số 119//2009/QĐST-HNGĐ và quyết định số 01/2018/QĐST – VDS.

Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với ông Nguyễn Văn H nhưng ông H không đến tòa làm việc và cũng không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Long Khánh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng Xét Xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử : Về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và người tham gia tố tụng, thời hạn giải quyết, tiến hành mở phiên họp đã thực hiện đúng quy định.

2. Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa : thực hiện đúng quy định.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án : đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

4. Về ý kiến giải quyết vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2000 Ông H và bà N có đăng ký kết hôn và sau đó đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 119/2009/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2009. Nhưng sau đó ông H và bà N lại kết hôn, sau khi kết hôn lại thì ông H lại bỏ nhà ra đi, bà N đã tìm kiếm nhưng không biết ông H ở đâu. Vì vậy bà đã tuyên bố ông H mất tích theo quyết định số 01/2018 ngày 24/12/2018. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở. Vì vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung; nợ chung : không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì chị Nguyệt phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật : Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo khoản 1 Điều 28 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Vinh, thị xã Long Khánh(nay là thành phố Long Khánh) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.Trong quá trình chung sống, bà N trình bày vợ chồng bà bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được và đã ly hôn vào năm 2009, sau đó ông H quay về và đi đăng ký kết hôn lại với bà vào năm 2015,sau khi đăng ký kết hôn, ông H bỏ nhà ra đi và không biết đi đâu. Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Bảo Vinh nơi ông H, bà N chung sống cũng đã xác nhận từ tháng 12/2015 đến nay ông H không còn sinh sống tại địa phương.Ông H chuyển đi đâu, đến địa chỉ nào chính quyền địa phương cũng không biết, do ông khi đi khỏi địa phương không khai báo. Từ tháng 12/2015 đến nay địa phương không thấy ông H quay về địa phương.Đồng thời Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh đã tuyên bố ông H mất tích theo quyết định giải quyết dân sự số 01/2018/QĐST-VDS ngày 24/12/2018. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng ông H và bà N đã trầm trọng, mục đích hôn không đạt được và ông H đã mất tích nên việc bà N yêu cầu ly hôn là có cơ sở cần chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Về con chung: Không có.

[5]Về tài sản chung; nợ chung : không có nên không xem xét.

[6]Về án phí: áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bà Nguyễn Thị N chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp, theo biên lai thu tiền số 009499 ngày 10/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227 và Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về án phí: áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bà Nguyễn Thị N chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà N đã nộp, theo biên lai thu tiền số 009499 ngày 19/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, riêng Ông H vắng mặt thì quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- THA dân sự TP. Long Khánh.;
- UBND Phường Báo Vinh
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Hồng Năm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Hồng Năm

